

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **04-01-2023**

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng L**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến L**

Bà **Nguyễn Thị L**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đỗ Thị B** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu H** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **04** tháng **01** năm **2023**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình về “*Ly hôn, nuôi con*” thụ lý số 437/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐHPT-ST ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Trần Đình C**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn X, xã Y, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Chị **Dương Thị Thu P**, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký HKTT: thôn X, xã Y, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Anh **Trần Đình C** có đơn xin xét xử vắng mặt; chị **Dương Thị Thu P** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Anh Trần Đình C trình bày:**

Về hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Thu P kết hôn năm 2010 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 20/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh Trần Đình C tại thôn X, xã Y, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị P ban đầu bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, nhưng sau đó anh không liên lạc được với chị P, chỉ lúc nào chị P về thăm con thì chị P tự về. Nay anh nhận thấy tình cảm không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị Dương Thị Thu P có 02 con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 05/3/2014 và cháu Trần Ngọc C, sinh ngày 30/10/2016. Hiện cả hai cháu đang ở với anh và gia đình anh. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả con chung. Nếu được nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay anh đi làm nghề tự do, thu nhập từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng một tháng nên anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn – Chị Dương Thị Thu P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đình C.*

* *Bà Đào Thị D – Mẹ của anh Trần Đình C trình bày:* Anh Trần Đình C và chị Dương Thị Thu P kết hôn năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C, chị P chung sống cùng gia đình bà. Trong quá trình chung sống, bà thấy giữa anh C và chị P thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà không nắm được. Đến khoảng tháng 9/2019, chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở và từ đó đến nay chị P không quay về nhà bà mà chỉ thỉnh thoảng chị P về thăm con rồi lại đi ngay. Anh C và chị P có 02 con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh năm 2014 và cháu Trần Ngọc C, sinh năm 2016. Hiện cả hai cháu đang ở với gia đình bà và anh C, thỉnh thoảng chị P cũng có gửi tiền để cho các cháu nhưng bà không biết chị P ở đâu. Nay anh C xin ly hôn với chị P thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của con chung: Cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 05/3/2014 có nguyện vọng được ở với anh Trần Đình C.

Tại phiên tòa: Anh Trần Đình C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn anh C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị Dương Thị Thu P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố Tụng Dân sự; Các đương sự: Anh Trần Đình C đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án; chị Dương Thị Thu P chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đình C và cho anh C được ly hôn chị P; *về con chung:* Đề nghị giao 02 con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 05/3/2014 và cháu Trần Ngọc C, sinh ngày 30/10/2016 cho anh Trần Đình C trực tiếp nuôi dưỡng; *về cấp dưỡng nuôi con chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Dương Thị Thu P có hộ khẩu thường trú tại: thôn X, xã Y, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[1.2] *Về sự vắng mặt của chị Dương Thị Thu P:* Chị Dương Thị Thu P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị Thu P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:* Anh Trần Đình C kết hôn với chị Dương Thị Thu P năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa anh C và chị P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo anh Trần Đình C thì vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, trong thời gian ly thân chị P thỉnh thoảng có về thăm con chung xong lại đi.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng dễ đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn từ hai phía (*anh C và chị P*). Nay anh C cương quyết xin ly hôn với chị P. Chị P không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của anh C nên cần xác định mâu thuẫn giữa anh C và chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C và cho anh C được ly hôn chị P để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] *Về con chung*: Anh Trần Đình C và chị Dương Thị Thu P có 02 con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 05/3/2014 và cháu Trần Ngọc C, sinh ngày 30/10/2016. Cả hai cháu hiện đang sinh sống cùng anh C. Ly hôn, anh C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Để ổn định trong sinh hoạt và học tập của hai cháu nên cần giao cháu Trần Ngọc M và cháu Trần Ngọc C cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Dương Thị Thu P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Trần Đình C không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của anh C và không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] *Về tài sản chung, công sức, công nợ chung*: Không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Anh Trần Đình C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Đình C và cho anh Trần Đình C được ly hôn với chị Dương Thị Thu P.

[2]. Về con chung: Anh Trần Đình C và chị Dương Thị Thu P có hai con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 05/3/2014 và cháu Trần Ngọc C, sinh ngày 30/10/2016.

Giao cháu Trần Ngọc M và cháu Trần Ngọc C cho anh Trần Đình C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Dương Thị Thu P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Đình C về việc anh C không yêu cầu chị Dương Thị Thu P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Dương Thị Thu P cho đến khi các bên có yêu cầu.

[4]. *Về tài sản, công sức, công nợ chung*: Không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Anh Trần Đình C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Trần Đình C đã nộp 300.000 đồng (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0076191 ngày 04 tháng 10 năm 2022) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Anh Trần Đình C và chị Dương Thị Thu P có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THA DS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Y (Số 172/2010);
- Các đương sự;
- Lưu HSYA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng L

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

